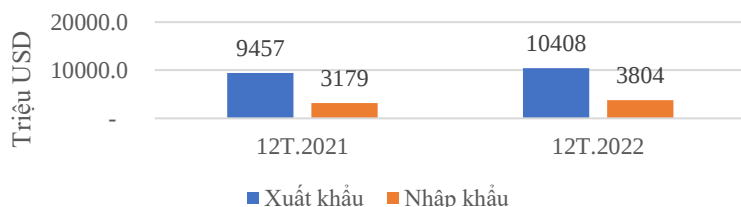


BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường TRUNG QUỐC

TÌNH HÌNH CHUNG

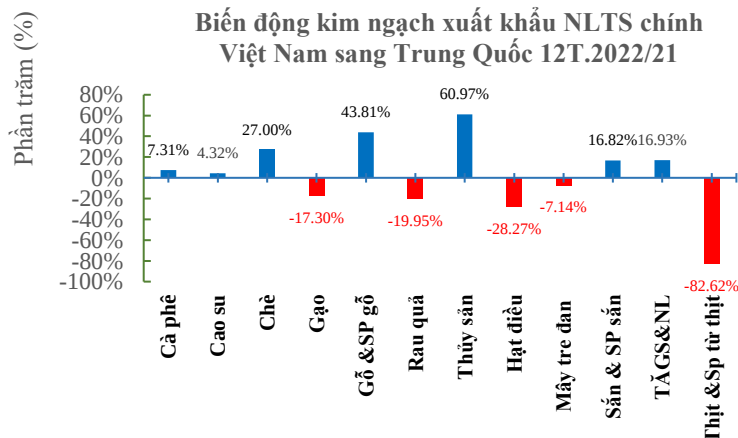
**Xuất khẩu và nhập khẩu NLTS
Việt Nam - Trung Quốc**



**So sánh xuất nhập khẩu NLTS
Việt Nam - Trung Quốc
(2022/2021)**

Xuất khẩu	▲ 10,05%
Nhập khẩu	▲ 19,66%

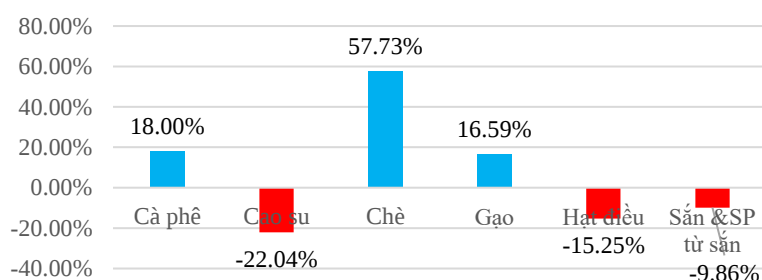
**Biến động kim ngạch xuất khẩu NLTS chính
Việt Nam sang Trung Quốc 12T.2022/21**



So sánh 2022/2021

Cà phê	▲ 07,31 %
Cao su	▲ 04,32 %
Chè	▲ 27,00 %
Gạo	▲ 17,30 %
Gỗ và SP Gỗ	▲ 43,81 %
Rau quả	▲ 19,95 %
Thủy sản	▲ 60,97 %
Hạt điều	▼ 28,27 %
Mây tre đan	▼ 07,14 %
Sắn và SP Sắn	▲ 16,82 %
TĂGS và NL	▲ 16,93 %
Thịt và SP thịt	▼ 82,62 %

**Biến động giá xuất khẩu BQ
T12.2022/T12.2021**



**So sánh giá xuất khẩu
T12.2022/T12.2021**

Cà phê	▲ 18,00 %
Cao su	▼ 22,04 %
Chè	▲ 57,73 %
Gạo	▲ 16,59 %
Hạt điều	▼ 15,25 %
Sắn & SP sắn	▼ 09,86 %

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Xuất khẩu nông lâm thủy sản (NLTS) chính của Việt Nam sang Trung Quốc trong năm 2022 đạt 10,4 tỷ USD, tăng 10,01% so với cùng kỳ năm 2021; kim ngạch nhập khẩu NLTS từ Trung Quốc đạt 3,80 tỷ USD, tăng 19,66%. Tính riêng tháng 12/2022, kim ngạch xuất khẩu NLTS chính đạt 976,43 triệu USD, giảm 0,9% so với tháng trước và tăng 0,1% so với cùng kỳ năm 2021.

Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Trung Quốc trong tháng 12/2022 là cao su (chiếm 30,4%), rau quả (chiếm 16,3%), gỗ và sản phẩm từ gỗ (chiếm 16,0%), sắn và sản phẩm từ sắn (chiếm 14,8%), thủy sản (chiếm 11,8%), thủy sản (chiếm 10,7%), thức ăn gia súc và nguyên liệu (chiếm 3,9%), hạt điều (chiếm 3,3%). So với tháng 11/2022, xuất khẩu một số mặt hàng NLTS tăng là: sắn và sản phẩm từ sắn (tăng 26,6%), cà phê (tăng 13,8%), cao su (tăng 7,3%); trong khi đó hầu hết các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm là hạt điều (giảm 40,1%), chè (giảm 33,6%), mây tre đan (giảm 28,1%), thủy sản (giảm 18,2%), gạo (giảm 7,7%), gỗ và sản phẩm gỗ (giảm 4,8%), rau quả (giảm 3,7%), thức ăn gia súc và nguyên liệu (giảm 3,0%). So với cùng kỳ, các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng cao là: chè (tăng 275,6%), sắn và SP sắn (tăng 34,9%), cà phê (tăng 24,7%), gỗ và sản phẩm gỗ (tăng 22,8%), rau quả (tăng 3,9%); các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm là mây tre đan (giảm 60,3%), thịt và sản phẩm thịt (giảm 48,7%), hạt điều (giảm 38,3%), gạo (giảm 15,0%), thủy sản (giảm 10,8%), cao su (giảm 8,1%). *(Chi tiết tại phụ lục đính kèm)*

Theo Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn, tính đến 20h00 ngày 03.02.2023, tổng số phương tiện chở hàng hóa xuất khẩu còn tồn trên địa bàn tỉnh là 159 xe, trong đó xe chở hoa quả là 111 xe và 48 xe hàng khác. Cụ thể: (i) tại cửa khẩu Quốc tế Hữu Nghị, còn tồn 01 xe mặt hàng khác; (ii) tại cửa khẩu phụ Tân Thanh còn tồn 98 xe, trong đó có 95 xe hoa quả (90 xe chở bằng container lạnh, 05 xe chở bằng container nóng); (iii) tại cửa khẩu chính Chi Ma còn tồn 39 xe mặt hàng khác; (iv) tại cửa khẩu Cốc Nam còn tồn 21 xe, trong đó có 16 xe hoa quả chở bằng container lạnh và 02 xe mặt hàng khác.

Theo dữ liệu chính thức công bố tháng 12/2022, dân số Trung Quốc trong năm 2022 đã giảm lần đầu tiên trong hơn 60 năm và quốc gia 1,4 tỷ dân này đã chứng kiến tỷ lệ sinh giảm xuống mức thấp kỷ lục khi lực lượng lao động già đi.

Theo số liệu của Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc (NBS) công bố ngày 31/1/2023, hoạt động sản xuất của nước này đã tăng trưởng vào tháng 1/2023, sau 4

tháng suy giảm liên tiếp, giữa bối cảnh nền kinh tế của nước này đang phục hồi sau khi nới lỏng các biện pháp hạn chế nghiêm ngặt do dịch COVID-19.

Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) dự báo nền kinh tế Trung Quốc sẽ đóng góp 25% vào tăng trưởng toàn cầu trong năm 2023, dù cho vẫn còn những bất ổn liên quan đến dịch COVID-19 và lĩnh vực bất động sản có thể kìm hãm động lực này. Đồng thời, IMF cũng đã điều chỉnh dự báo tăng trưởng năm nay của Trung Quốc lên 5,2% do dự kiến nền kinh tế Trung Quốc sẽ phục hồi trong năm 2023 khi việc đi lại và các hoạt động tăng lên sau khi các hạn chế liên quan đến dịch bệnh được dỡ bỏ, qua đó thúc đẩy cho nền kinh tế toàn cầu. Trong khi đó, Cơ quan xếp hạng tín nhiệm Fitch mới đây đã đưa ra dự báo kinh tế Trung Quốc sẽ tăng trưởng 5% trong năm nay thay cho mức dự báo 4,1% hồi tháng 12/2022.

Ngân hàng UBS cũng đưa ra nhận định về phục hồi nền kinh tế Trung Quốc và cho rằng dù tiền tiết kiệm hộ gia đình của người dân Trung Quốc khá cao nhưng sẽ chưa được chuyển hướng mạnh mẽ vào hoạt động chi tiêu năm nay do tâm lý người tiêu dùng vẫn đang khá thận trọng.

Theo thông tin đài truyền hình CCTV Trung Quốc, Quốc Vụ Viện Trung Quốc sẽ thúc đẩy phục hồi tiêu dùng như động lực chính của nền kinh tế và thúc đẩy nhập khẩu, giữa bối cảnh nhu cầu toàn cầu hạ nhiệt trước nguy cơ suy thoái của các nền kinh tế lớn. Tại một cuộc họp do Thủ tướng Lý Khắc Cường chủ trì, Quốc Vụ Viện Trung Quốc cam kết đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án đầu tư nước ngoài, duy trì đồng NDT ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại xuyên biên giới và giúp các công ty tham gia hội chợ thương mại cả trong và ngoài nước. Quốc Vụ Viện còn thảo luận về các biện pháp hỗ trợ nông dân bắt đầu gieo trồng vụ xuân, bao gồm trợ cấp cho việc gieo đậu tương.

Trung Quốc là nước sản xuất và tiêu thụ thịt lợn lớn nhất thế giới nhưng nhiều gia đình Trung Quốc đã phải chuyển sang dùng thịt gà có giá rẻ hơn trong đại dịch. Ngành chăn nuôi Trung Quốc bị đình trệ do dịch Covid-19 và dịch tả lợn châu Phi, khiến nước này phải nhập khẩu số lượng lớn thịt lợn từ nước ngoài để đáp ứng nhu cầu. Tuy nhiên, sẽ cần thời gian để ngành chăn nuôi Trung Quốc phục hồi lại như thời trước đại dịch. Do đó, quốc gia này có thể sẽ vẫn còn nhập khẩu nhiều thịt lợn trong năm 2023. Nhiều chuyên gia dự báo tổng lượng thịt lợn nhập khẩu của Trung Quốc (bao gồm cả nội tạng) ước tính khoảng 2 triệu tấn/năm. Đây là tín hiệu tích cực cho ngành chăn nuôi của nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam.

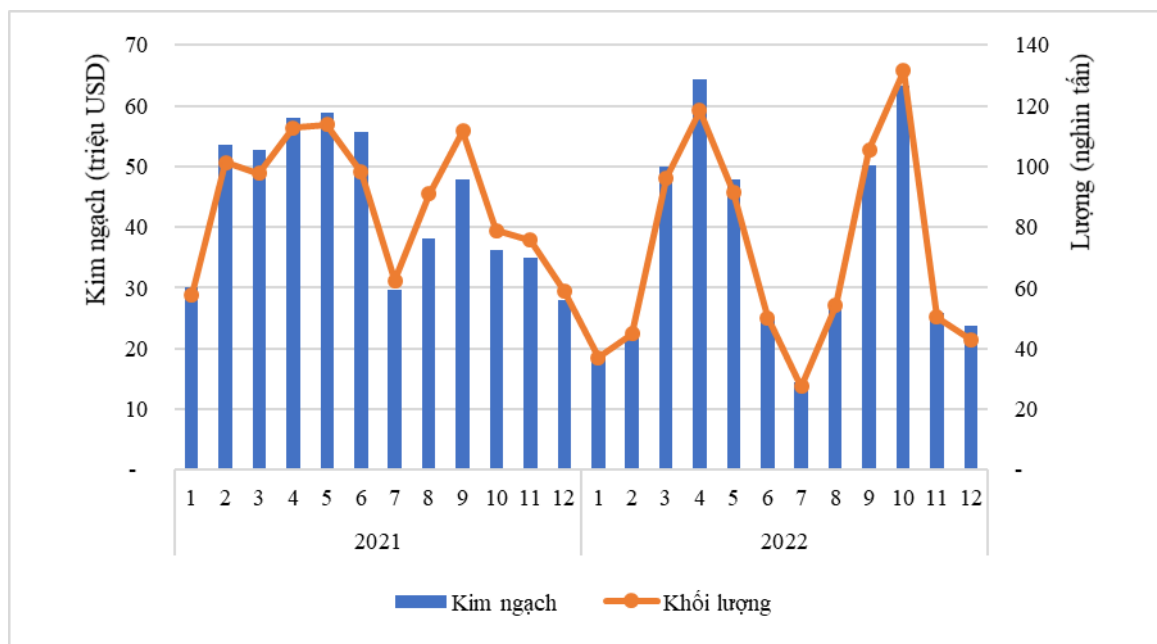
CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Trung Quốc là nhà cung cấp gạo hạt vừa lớn nhất trên toàn cầu. Mặc dù vụ lúa 2022/23 giảm sản lượng, song giá có thể sẽ vẫn cạnh tranh trên thị trường quốc tế do lượng dự trữ dồi dào. Khi Australia bị hạn hán (các niên vụ 2018/19 và 2019/20), Trung Quốc đã trở thành nhà cung cấp chính cho nước này. Từ tháng 1 đến tháng 11 năm 2022, Trung Quốc đã xuất khẩu 1,6 triệu tấn gạo hạt vừa, khối lượng xuất khẩu cao thứ ba kể từ năm 2016, chủ yếu đến các thị trường Châu Phi và Châu Á. Ai Cập là thị trường trọng điểm xuất khẩu gạo hạt vừa của Trung Quốc sang châu Phi. Trong bối cảnh sản xuất trong nước phục hồi, nhập khẩu gạo của Ai Cập niên vụ 2022/23 được dự báo sẽ giảm.

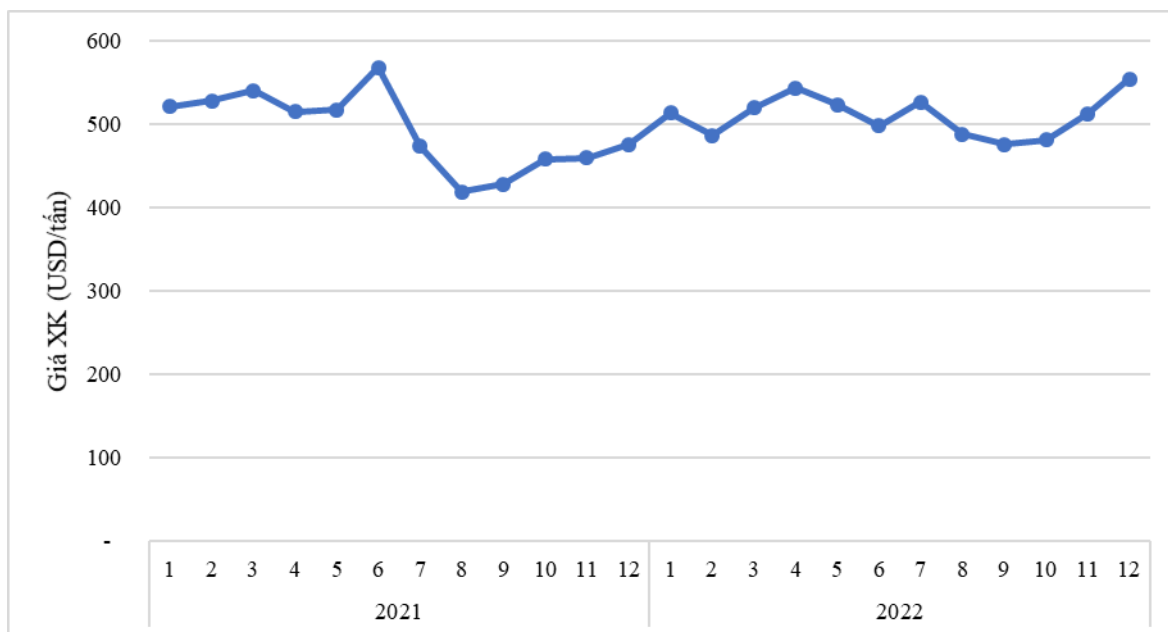
Xuất khẩu gạo của Việt Nam sang Trung Quốc trong tháng 12/2022 ước đạt 43,0 nghìn tấn với trị giá 23,8 triệu USD, giảm 14,6% về lượng và 7,7% về giá trị so với tháng trước, và giảm 27,1% về lượng và 15,0% về giá trị so với cùng kỳ 2021. Lũy kế cả năm 2022, xuất khẩu gạo của Việt Nam sang Trung Quốc ước đạt 850,9 nghìn tấn với trị giá 432,3 triệu USD, giảm 19,8% về lượng và 17,4% về giá trị so với năm trước.

Hình 1: Khối lượng và giá trị gạo xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc



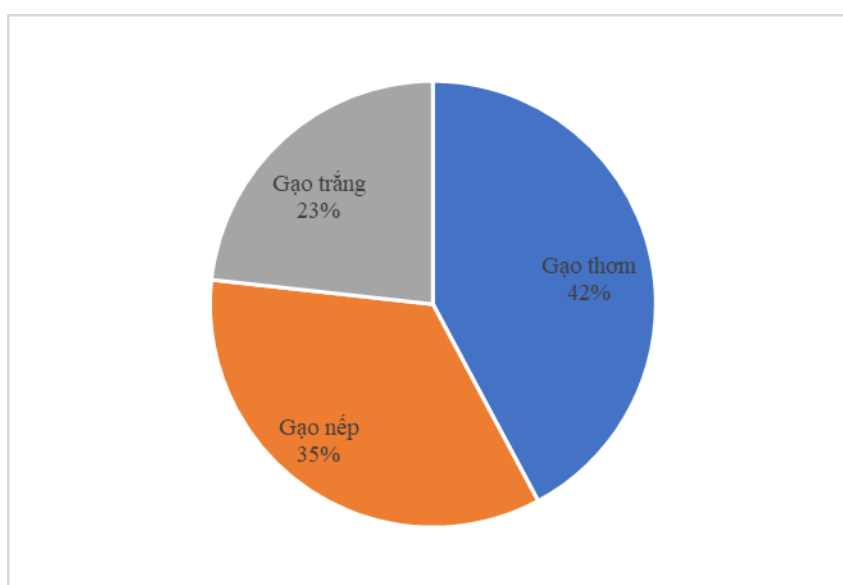
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 12/2022, giá gạo xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc đạt 554 USD/tấn, tăng 8,1% so với tháng trước và tăng 16,6% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 2: Giá gạo xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 12/2022, gạo thơm là loại gạo có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Trung Quốc đạt 10,0 triệu USD, chiếm 42,2% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là gạo nếp với kim ngạch 8,2 triệu USD, chiếm 34,6% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là gạo trắng chiếm 23,2% tổng giá trị xuất khẩu sang Trung Quốc.

Hình 3: Chủng loại gạo xuất khẩu sang Trung Quốc theo kim ngạch tháng 12/2022

Nguồn: Tổng cục Hải quan

2. RAU QUẢ

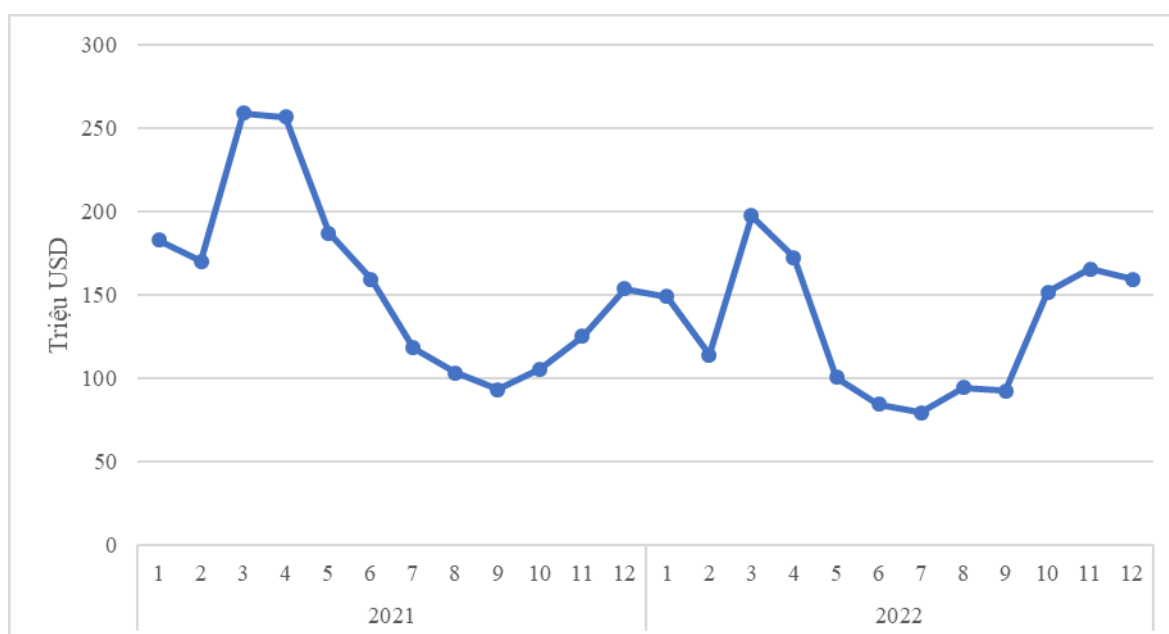
Nhập khẩu trái cây của Trung Quốc năm 2022 đạt 7,33 triệu tấn, giá trị 14,6 tỷ USD, tăng 4% về khối lượng và tăng 8% về giá trị so với năm 2021. Xuất khẩu trái cây của Trung Quốc đạt 3,26 tấn, giá trị đạt 4,6 tỷ USD, giảm 8% về khối lượng và giảm 15% về giá trị so với năm 2021. Về khối lượng nhập khẩu, chuối, dứa, sầu riêng, thanh long và nhãn là các loại được nhập khẩu nhiều nhất. Về giá trị nhập khẩu, sầu riêng đứng vị trí thứ nhất, đạt 4,03 tỷ USD, giảm 4% so với cùng kỳ năm 2021, với khối lượng nhập khẩu là 825.000 tấn, cơ bản bằng với năm trước.

Trái cây và rau quả của Trung Quốc được phép nhập khẩu trở lại vào Nga từ ngày 30/1/2023. Theo Rosselkhoznadzor, các sản phẩm này nằm trong vùng có nguy cơ kiểm dịch thực vật cao, do đó, khi nhập khẩu vào Nga, các lô hàng phải có giấy chứng nhận quốc tế phù hợp.

Sản lượng cam của Trung Quốc trong niên vụ 2022/23 sẽ đạt 7,6 triệu tấn do tăng sản lượng ở các khu vực trồng mới như: Hồ Bắc, Vân Nam, Hồ Nam. Sản lượng tăng thêm này bù đắp cho sản lượng cam giảm ở tỉnh Giang Tây.

Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Trung Quốc tháng 12 năm 2022 đạt 159,4 triệu USD, chiếm 51,0% tổng giá trị xuất khẩu, giảm 3,7% so với tháng trước và tăng 3,9% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung cả năm 2022, giá trị xuất khẩu rau quả sang Trung Quốc đạt 1,5 tỷ USD (chiếm 45,4% thị phần), giảm 19,9% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 4: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Trung Quốc

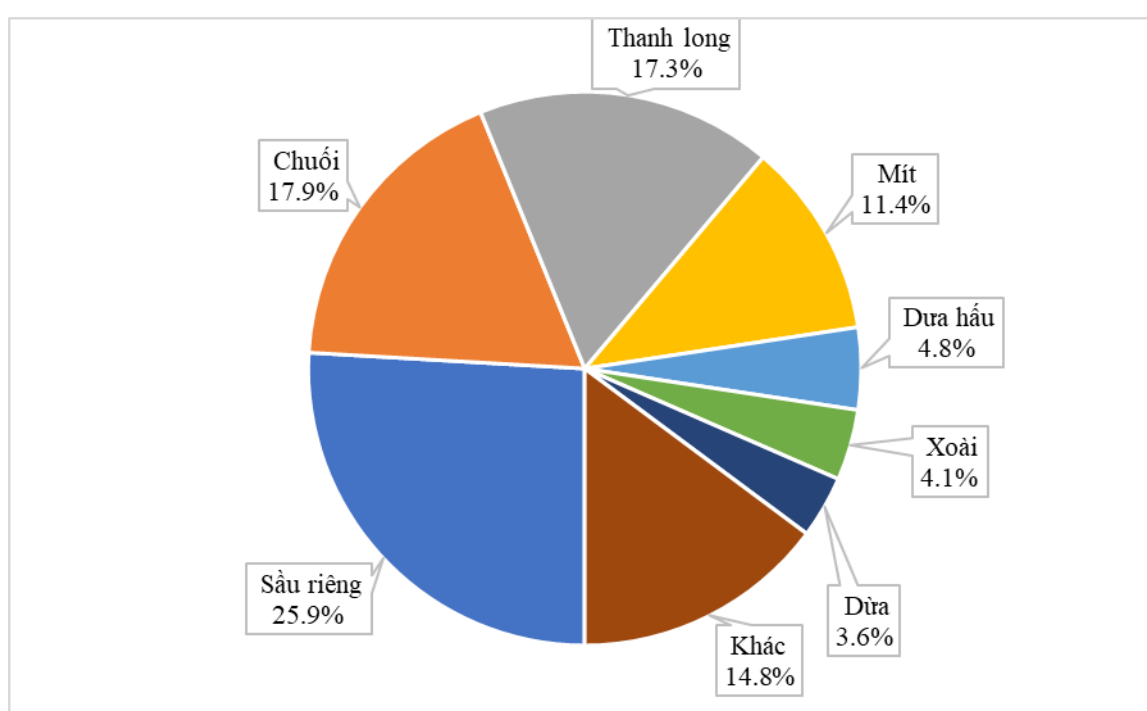


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Trung Quốc tháng 12 năm 2022, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 139,3 triệu USD (chiếm 87,4% thị phần, tăng 1,3% so với cùng kỳ năm 2021) và rau quả chế biến đạt 20,2 triệu USD (chiếm 12,6%), tăng 26,0%. So sánh với cùng kỳ năm 2021, mặt hàng trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS.2008) đạt 14,96 triệu USD, tăng 40,2%; nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) đạt 3,4 triệu USD, giảm 10,0%; rau, quả muối chua (mã HS.2001) đạt 996,1 nghìn USD, tăng 39,3%; v.v.

Trong tháng 12 năm 2022, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu cao nhất bao gồm: sầu riêng đạt 41,3 triệu USD (chiếm 25,9% tổng giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường này), cao gấp 49,1 lần so với cùng kỳ năm 2021; chuối đạt 28,6 triệu USD (chiếm 17,9%), tăng 133,0%; thanh long đạt 27,6 triệu USD (chiếm 17,3%), giảm 68,9%; mít đạt 18,2 triệu USD (chiếm 11,4%), giảm 22,5%; dưa hấu đạt 7,6 triệu USD (chiếm 4,8%), tăng 331,1%; xoài đạt 6,6 triệu USD (chiếm 4,1%), tăng 1,4%; v.v.

Hình 5: Cơ cấu các loại rau quả chính xuất khẩu sang Trung Quốc tháng 12/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

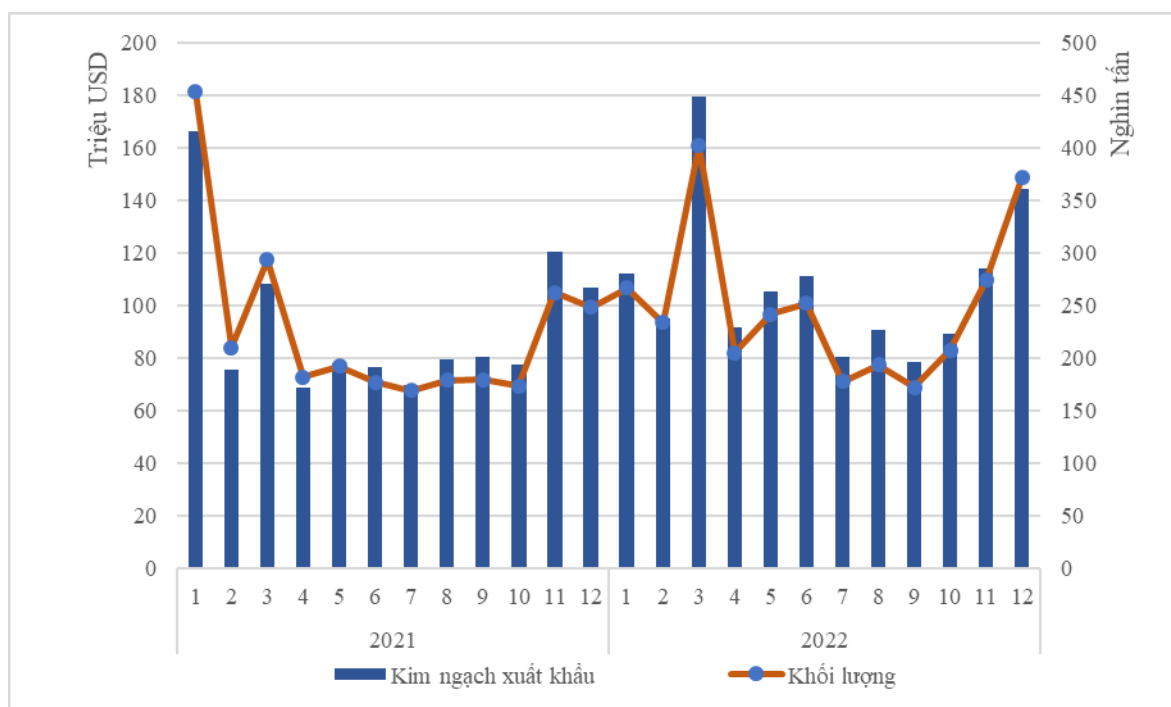
Giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường Trung Quốc tháng 12 năm 2022 đạt 92,7 triệu USD, chiếm 46,4% tổng giá trị nhập khẩu, tăng 105,5% so với cùng kỳ năm 2021. Giá trị nhập khẩu rau quả từ Trung Quốc trong cả năm 2022 đạt 858,2 triệu USD (chiếm 41,3% thị phần), tăng 85,7% so với cùng kỳ năm 2021. Trong tháng 12/2022, các mặt hàng Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là:

nấm các loại đạt 14,3 triệu USD (chiếm 15,4% tổng giá trị nhập khẩu), tăng 73,0% so với cùng kỳ năm trước; tỏi đạt 12,6 triệu USD (chiếm 13,6%), tăng 28,4%; táo đạt 9,9 triệu USD (chiếm 10,7%), tăng 208,9%; quýt đạt gần 8 triệu USD (chiếm 8,6%), tăng 274,1%; hạt dẻ đạt 7,8 triệu USD (chiếm 8,4%), tăng 179,3%; cà rốt đạt 5,3 triệu USD (chiếm 5,7%), tăng 179,2%; v.v.

3. SẢN VÀ SẢN PHẨM TỪ SẢN

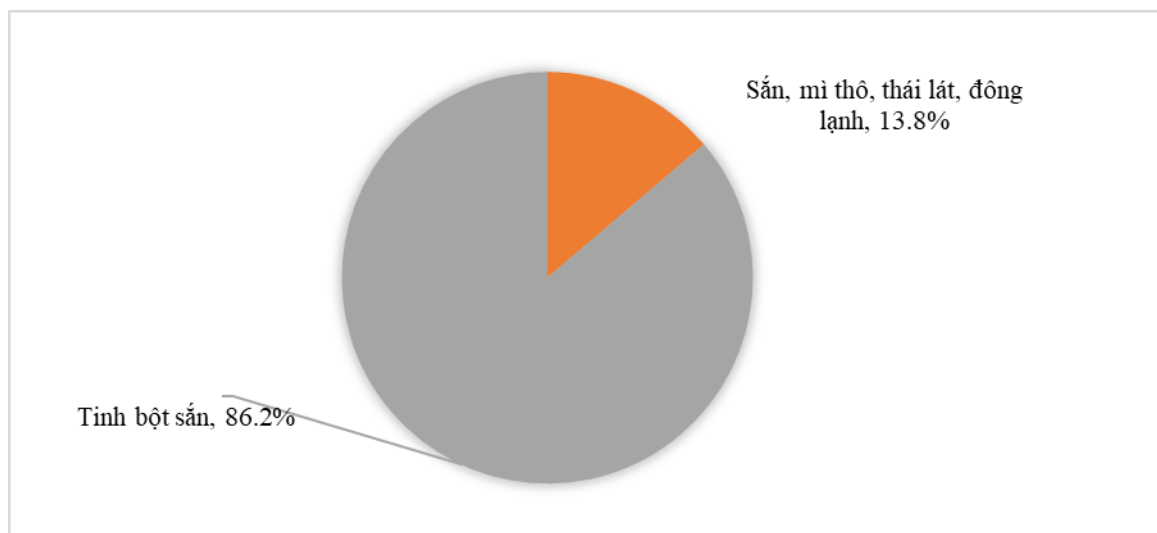
Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 12/2022, Việt Nam xuất khẩu được 372,1 nghìn tấn sản và sản phẩm từ sản, trị giá 144,4 triệu USD sang thị trường Trung Quốc, tăng 35,5% về khối lượng và tăng 26,6% về giá trị so với tháng trước; tăng 49,7% về khối lượng và tăng 34,9% về giá trị so với cùng kỳ 2021. Năm 2022, khối lượng xuất khẩu sản và sản phẩm từ sản sang thị trường này đạt gần 2,98 triệu tấn, trị giá 1.286,4 triệu USD, tăng 10,7% về khối lượng và tăng 16,8% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 6: Khối lượng và giá trị xuất khẩu sản và sản phẩm từ sản sang Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

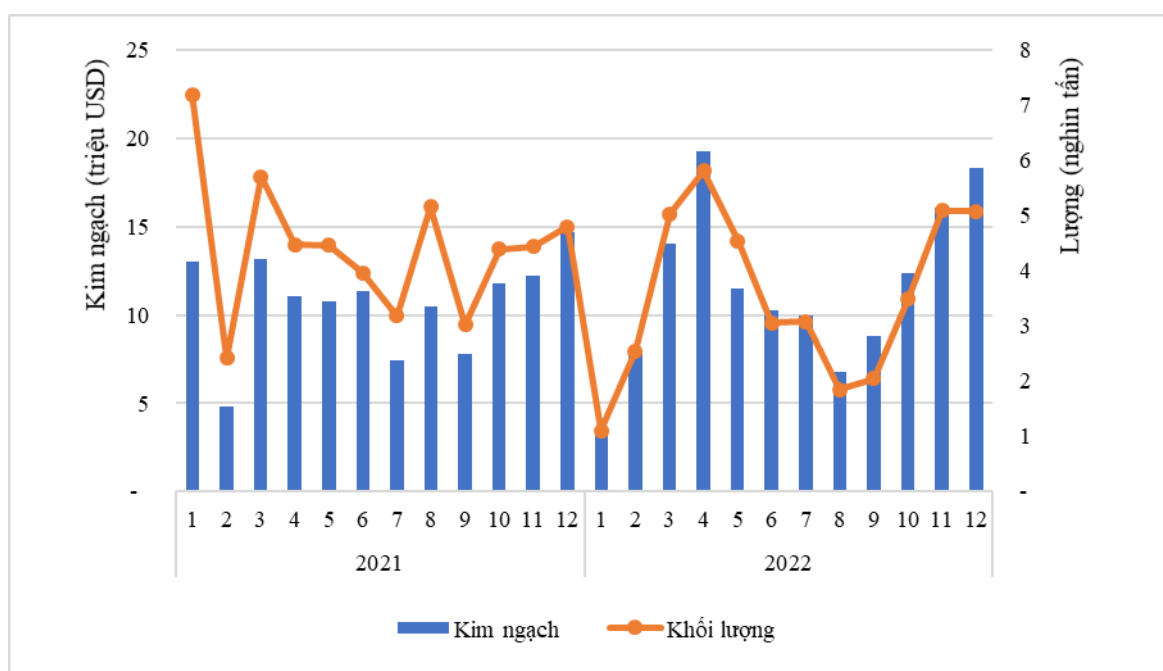
Về cơ cấu, thị trường Trung Quốc chiếm 95,5% về khối lượng và 94,5% về giá trị xuất khẩu sản và các sản phẩm từ sản của Việt Nam trong tháng 12 năm 2022. Trong đó, tinh bột sắn chiếm 86,2% tổng giá trị xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, tăng 15,2% so với tháng trước và tăng 43,3% so với cùng kỳ năm 2021. Sắn, mì thô, thái lát, đông lạnh chiếm 13,8%, tăng gấp 2,3 lần so với tháng trước và giảm 1,2% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 7: Cơ cấu xuất khẩu sản sang thị trường Trung Quốc tháng 12/2022

Nguồn: Tổng cục Hải quan

4. CÀ PHÊ

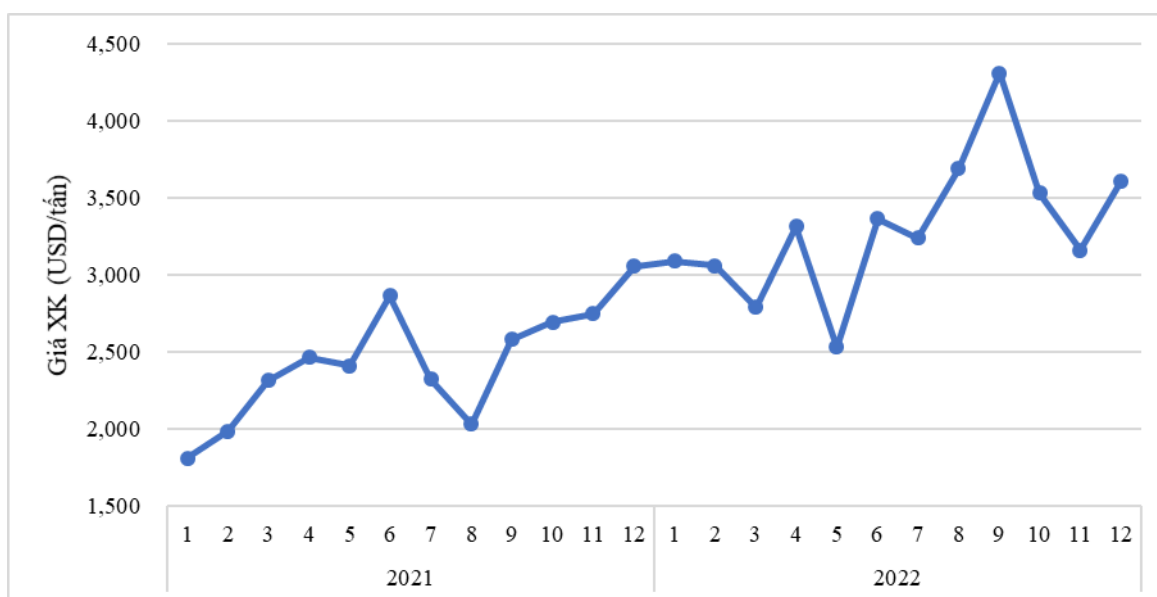
Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Trung Quốc trong tháng 12/2022 ước đạt 5,1 nghìn tấn với trị giá 18,3 triệu USD, giảm 0,3% về lượng nhưng tăng 13,8% về giá trị so với tháng trước, và tăng 5,7% về lượng và 24,7% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

Hình 8: Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 12/2022, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc đạt 3.608 USD/tấn, tăng 14,2% so với tháng trước và 18% so với cùng kỳ năm trước.

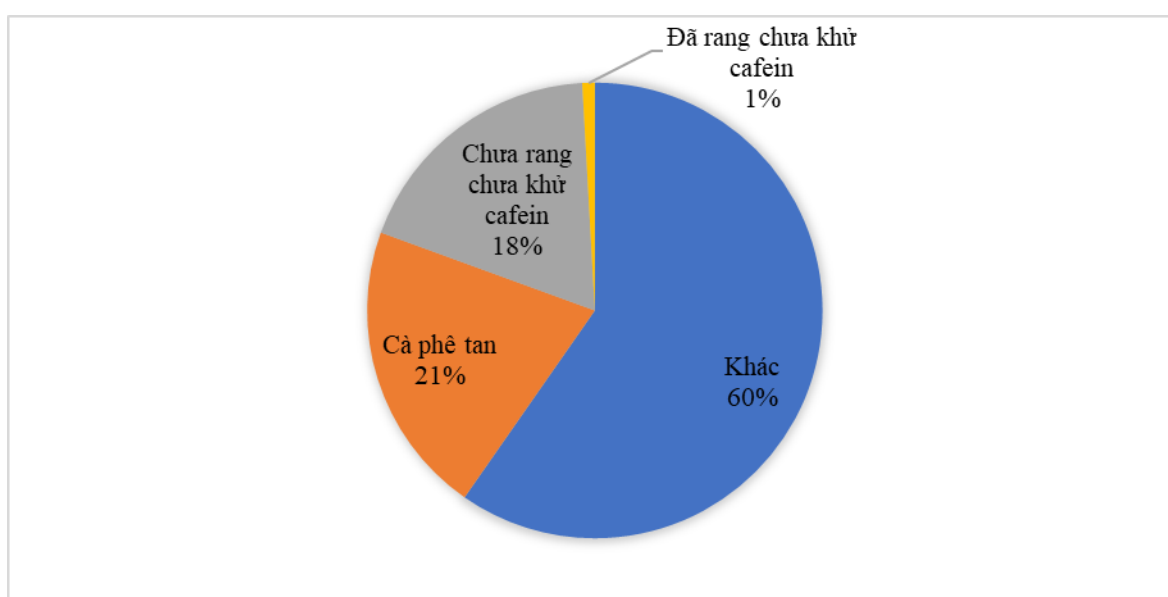
Hình 9: Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 12/2022, cà phê tan là loại cà phê có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Trung Quốc đạt 3,82 triệu USD, chiếm 20,9% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là cà phê chưa rang chưa khử caffein với kim ngạch 3,4 triệu USD, chiếm 18,55% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là cà phê đã rang chưa khử caffein chiếm 0,9% tổng giá trị xuất khẩu sang Trung Quốc.

Hình 10: Chủng loại cà phê xuất khẩu sang Trung Quốc theo kim ngạch tháng 12/2022

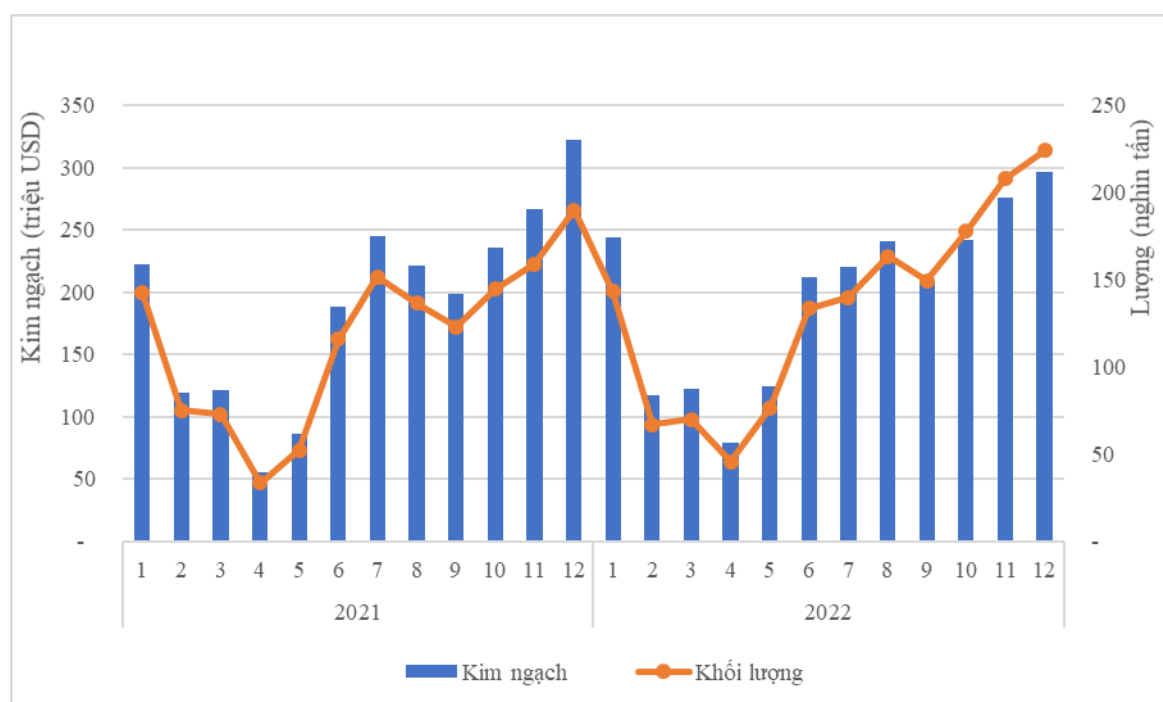


Nguồn: Tổng cục Hải quan

5. CAO SU

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 12/2022, xuất khẩu cao su của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc ước đạt 224,13 nghìn tấn với trị giá 296,49 triệu USD, tăng 7,65% về khối lượng và 7,26% về giá trị so tháng trước. So với cùng kỳ năm 2021 tăng 17,89% về khối lượng và giảm 8,09% về giá trị. Cao su tự nhiên chiếm tỷ trọng 9,7% tổng kim ngạch cao su xuất khẩu sang thị trường

Hình 11: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc

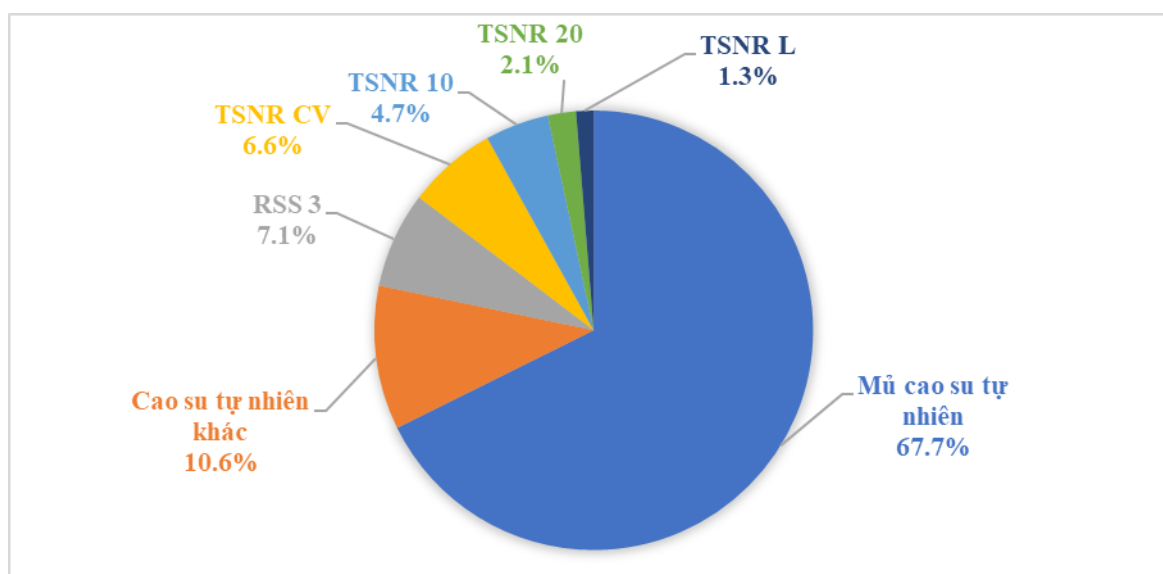


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Theo số liệu thống kê của Cơ quan Hải quan Trung Quốc, trong năm 2022, trị giá nhập khẩu cao su (HS 4001, 4002, 4003, 4005) của Trung Quốc đạt 13,38 tỷ USD, tăng 6,6% so với năm 2021. Thái Lan, Việt Nam, Ma-lai-xi-a, Nhật Bản và Hàn Quốc là 5 thị trường cung cấp cao su lớn nhất cho Trung Quốc. Trong đó, trừ Việt Nam và Thái Lan, trị giá nhập khẩu cao.

Trong tháng 12/2022, mủ cao su tự nhiên là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có tỷ trọng xuất khẩu lớn nhất trong tổng kim ngạch xuất khẩu cao su tự nhiên sang thị trường Trung Quốc, chiếm 67,7%. Tiếp theo là RSS 3 chiếm tỷ trọng 7,1%. Tiếp theo lần lượt là TSNR CV (6,6%), TSNR 10 (4,7%), TSNR 20 (2,1%), TSNR L (1,3%).

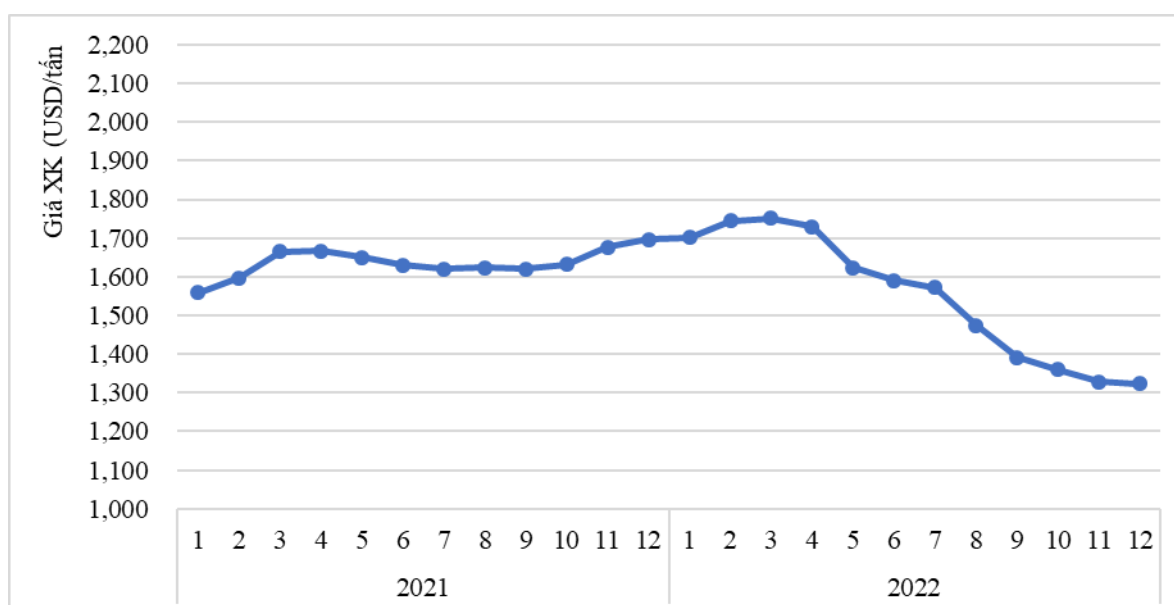
Hình 12: Chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc theo kim ngạch tháng 12/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Khủng hoảng bất động sản ở Trung Quốc, các đợt nắng nóng làm gián đoạn sản xuất đã có những tác động làm giảm giá cao su nhập khẩu vào nước này, do vậy giá cao su xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường này cũng giảm. Tính từ tháng 4/2022, giá cao su liên tục giảm. Tháng 12/2022, bình quân giá cao su xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc chỉ đạt ở mức 1.323 USD/tấn, giảm 0,37% so với tháng trước và giảm 22% so với cùng kỳ 2021.

Hình 13: Giá cao su xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc



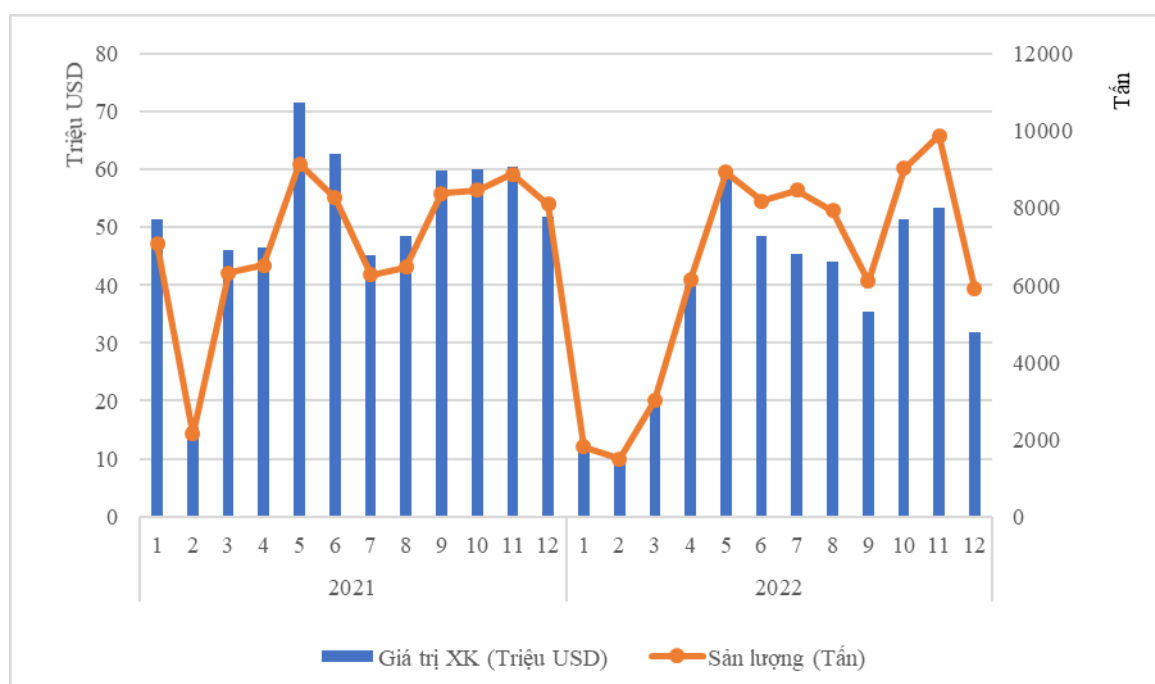
Nguồn: Tổng cục Hải quan

6. HẠT ĐIỀU

Năm 2022, nông nghiệp Việt Nam tiếp tục có 11 nhóm mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, trong đó hạt điều là 1 trong 7 mặt hàng có kim ngạch trên 3 tỷ USD (gỗ và sản phẩm gỗ, tôm, cà phê, gạo, cao su; rau quả, hạt điều). Thị trường Trung Quốc chiếm tỷ trọng 16,85% về kim ngạch và 17,12% về sản lượng hạt điều xuất khẩu của Việt Nam.

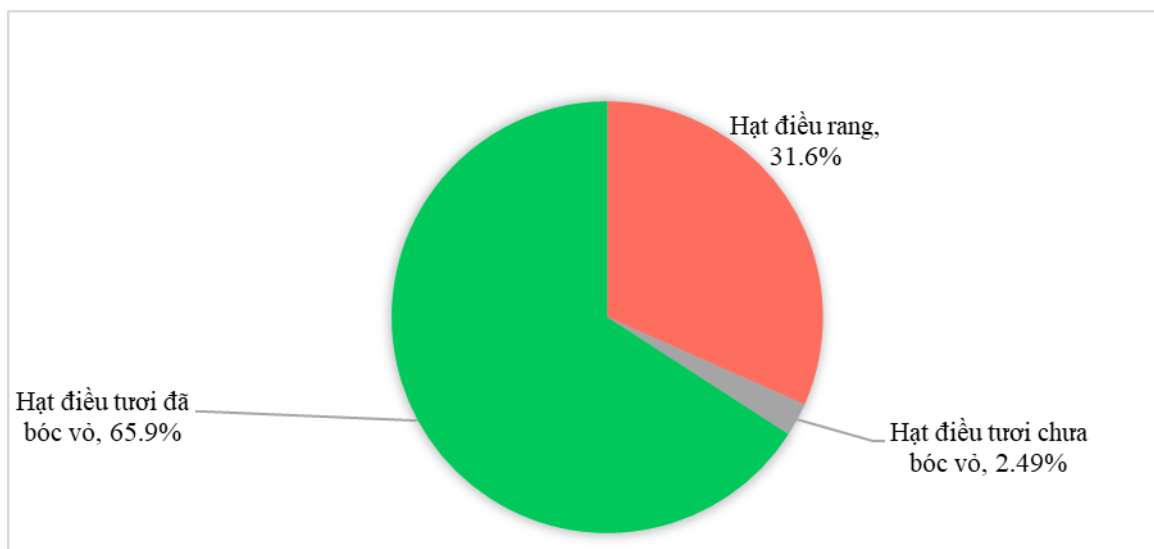
Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 12/2022, Việt Nam xuất khẩu được 5.897 tấn điều, trị giá 31,971 triệu USD sang thị trường Trung Quốc, giảm 40,3% về khối lượng và giảm 40,1% về giá trị so với tháng trước; so với cùng kỳ năm 2021 giảm 27,3% và giảm 38,3% về giá trị. Tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này trong năm 2022 đạt 76.914 tấn, trị giá 449,651 triệu USD, giảm 27,5% về khối lượng và giảm 10,6% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

Hình 14. Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường Trung Quốc



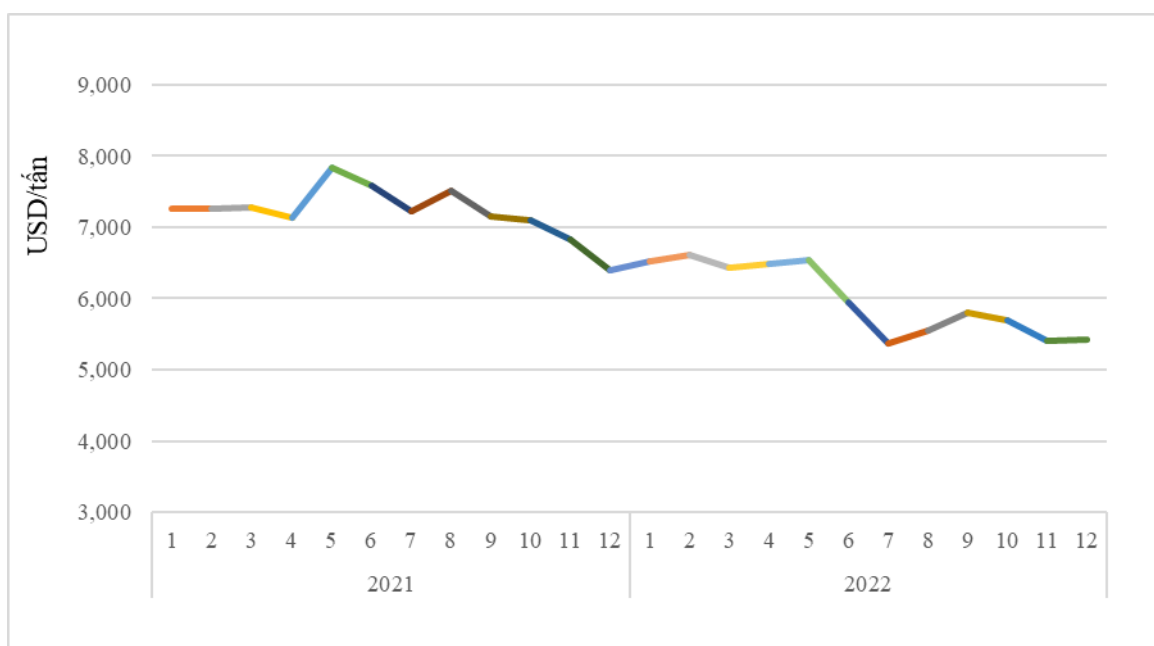
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 12/2022, hạt điều Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc chủ yếu là hạt điều tươi đã bóc vỏ và hạt điều rang. Trong đó, hạt điều tươi đã bóc vỏ chiếm tỷ trọng chính 65,9% (giảm 37,5% so với tháng trước và giảm 49,5% so với cùng kỳ năm trước), hạt điều rang chiếm khoảng 31,6%, hạt điều tươi chưa bóc vỏ chiếm tỷ trọng nhỏ với 2,49%.

Hình 15. Cơ cấu xuất khẩu hạt điều xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Bình quân giá xuất khẩu điều sang thị trường Trung Quốc đạt 5.422 USD/tấn, tăng 0,3% so với tháng trước và giảm 15,3% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 16: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Trung Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Đối với điều tươi đã bóc vỏ, giá xuất khẩu bình quân sang thị trường này tháng 12/2022 đạt 5.342 USD/tấn, giảm 1,2% so với tháng trước và giảm 8,9% so với cùng kỳ năm trước.

7. THỊT VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ THỊT

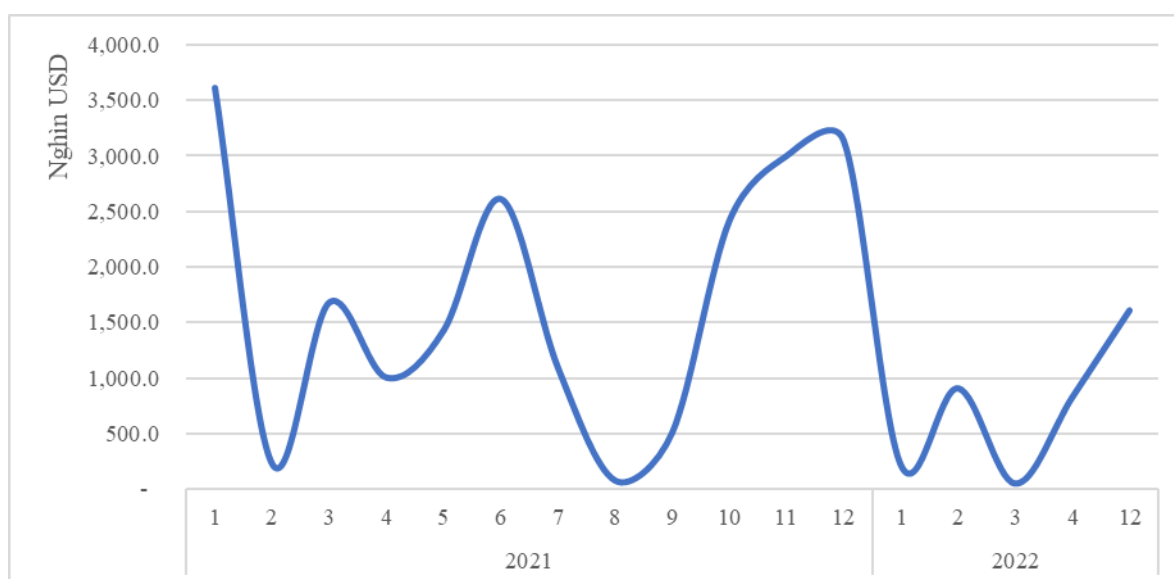
Theo tổng cục hải quan Trung Quốc, trong năm 2022 Trung Quốc đã nhập khẩu 1.760.000 tấn thịt heo hay 2.870.000 tấn bao gồm cả nội tạng, giảm 53% và 42% tương ứng so với lượng nhập khẩu năm 2021, ở mức 3.710.000 tấn thịt heo và 4.990.000 tấn thịt heo và nội tạng. Chỉ riêng nhập khẩu nội tạng đã giảm 13%. Bất chấp sự sụt giảm mạnh mẽ này, lượng nhập khẩu đã tăng dần kể từ tháng 8, từ 120.000 tấn trong tháng 6 và tháng 7 lên 200.000 tấn trong tháng 12.

Sản lượng thịt lợn tại Trung Quốc năm 2022 đạt 55,41 triệu tấn, tăng so với mức 52,96 triệu tấn trong năm 2021. Đây là mức cao nhất kể khi đạt mức 56,71 triệu tấn trong 8 năm trước. Theo số liệu từ Cục Thống kê Trung Quốc, sản lượng thịt năm 2022 tăng do sản lượng trong quý IV đạt mức cao là 13,91 triệu tấn, tăng 0,87% so với cùng kỳ năm 2021 mặc dù thiếu lao động giết mổ do COVID bùng phát.

Theo USDA, sản lượng lợn năm 2023 của Trung Quốc dự kiến đạt 675 triệu con, với sản lượng thịt heo dự kiến sẽ tăng và đạt 52 triệu tấn, thấp hơn mức trước khi xảy ra dịch tả lợn Châu Phi nhưng phù hợp với nhu cầu của người tiêu dùng và triển vọng kinh tế kém lạc quan hơn. Chi phí thức ăn cao dự kiến sẽ làm giảm trọng lượng lợn trung bình vào năm sau.

Trong tháng 12/2022, Việt Nam bắt đầu xuất khẩu lại thịt và các sản phẩm từ thịt sang thị trường Trung Quốc. Tổng giá trị xuất khẩu đạt 1,613 triệu USD giảm 48,7% so với cùng kỳ năm 2021.

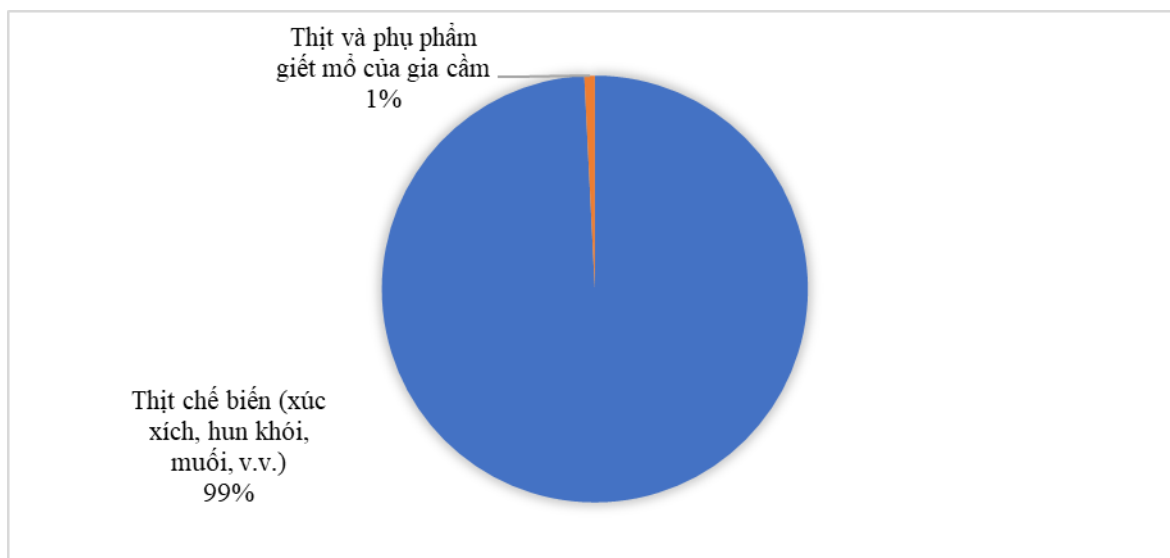
Hình 17: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Mặt hàng xuất khẩu chính sang thị trường Trung Quốc chủ yếu trong tháng 12 là thịt chế biến (xúc xích, hun khói, muối ...) đạt 1,599 triệu USD, chiếm 99,2% tổng giá trị thịt và sản phẩm chăn nuôi; thịt và phụ phẩm giết mổ của gia cầm đạt 12,744 nghìn USD, chiếm 0,8%.

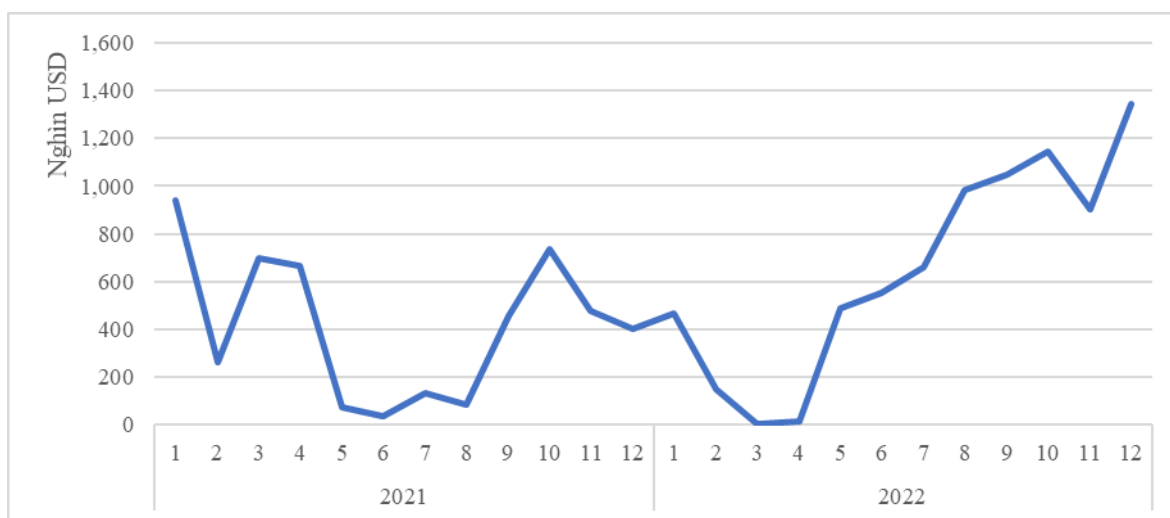
Hình 18. Cơ cấu thịt và sản phẩm chăn nuôi xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc tháng 12/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về nhập khẩu, tổng giá trị nhập khẩu các sản phẩm thịt từ thị trường Trung Quốc của Việt Nam trong tháng 12/2022 có xu hướng tăng đạt 1,344 triệu USD, tăng 48,7% so với tháng trước. Sản phẩm nhập khẩu của Việt Nam từ thị trường này chủ yếu là động vật sống khác như baba, chó, khỉ đuôi dài,...

Hình 19: Giá trị nhập khẩu thịt và sản phẩm từ thịt từ thị trường Trung Quốc



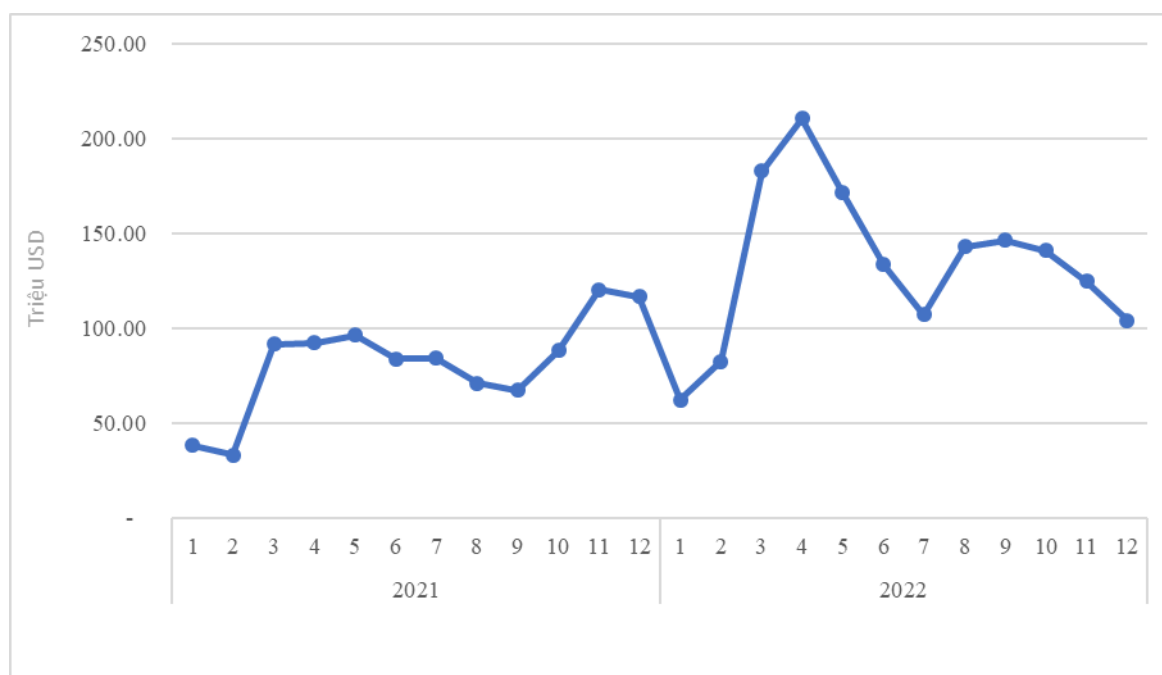
Nguồn: Tổng cục Hải quan

8. THỦY SẢN

Theo Cơ quan Hải quan Trung Quốc, nhập khẩu tôm nước ấm đông lạnh của Trung Quốc 11 tháng năm 2022 đạt 776.996 tấn, trị giá trên 5 tỷ USD, tăng 45% về lượng và 59% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, nhập khẩu tôm của Trung Quốc từ Ê-cu-a-đo đạt 502.000 tấn, tăng 50% so với cùng kỳ năm 2021; nhập khẩu từ Ấn Độ trong 11 tháng năm 2022 đạt 124.000 tấn, tăng 19%.

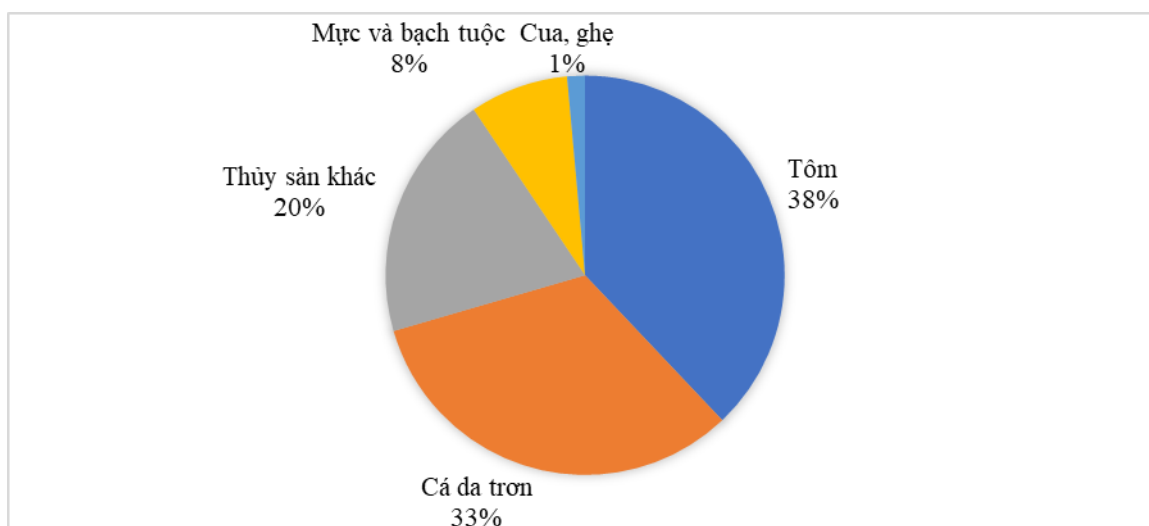
Theo Tổng cục Hải quan, xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc tháng 12/2022 đạt 104,05 triệu USD, giảm 10,4% so với cùng kỳ năm trước và giảm 16,6% so với tháng trước. Năm 2022, tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này đạt 1,6 tỷ USD chiếm 14,6% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản của Việt Nam, tăng 63,6% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 20. Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc



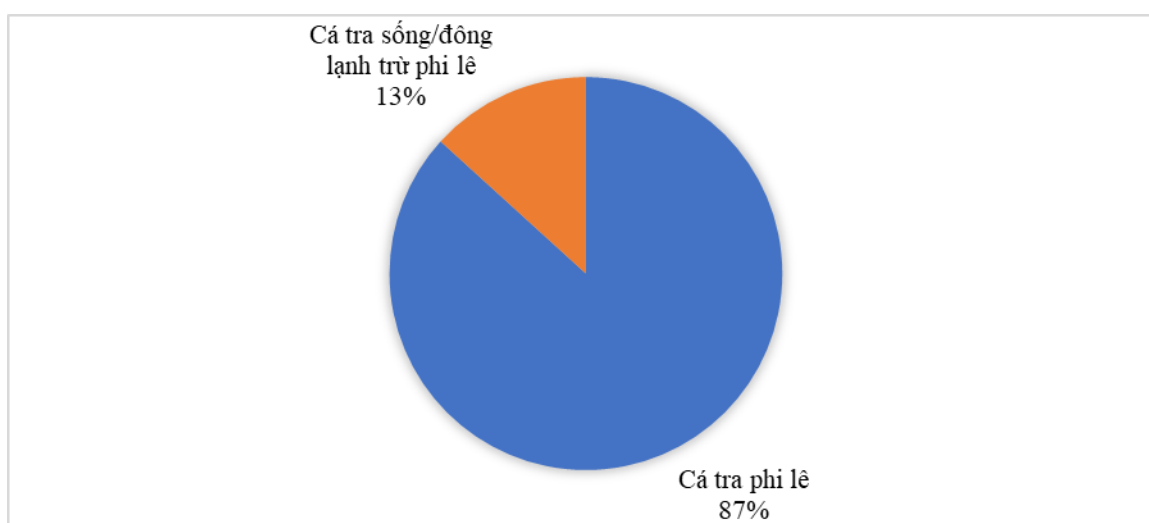
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 12/2022, tôm và cá da trơn vẫn là 2 mặt hàng xuất khẩu chính trong tháng này: tôm chiếm 37,7%; Cá da trơn chiếm 32,4%. Xuất khẩu thủy sản sang thị trường này dự báo sẽ tăng mạnh trong tháng đầu năm 2023 do nhu cầu tăng và Trung Quốc gỡ bỏ tất cả các biện pháp phòng chống dịch COVID-19 từ đầu tháng 1/2023 tại các cửa khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu.

Hình 21. Cơ cấu mặt hàng thủy sản xuất khẩu tháng 12/2022

Nguồn: Tính toán từ số liệu Hải quan

Xuất khẩu cá da trơn tăng mạnh so với tháng trước, tăng tới 46,8%. Giá trị xuất khẩu cá da trơn trong tháng này, đạt 33,7 triệu USD, chiếm 32,4% tổng giá trị thủy sản xuất khẩu sang thị trường này. Trong đó, cá tra phi lê chiếm tới 86,5%, đạt 29,1 triệu USD, giảm 36,7% so với tháng 12/2021 và nhưng tăng 44% so với 11/2022; cá tra sống/đông lạnh trừ phi lê chiếm 13,2%, đạt 4,4 triệu USD, giảm 72,5% so với cùng kỳ năm trước và tăng 67,3% so với tháng trước.

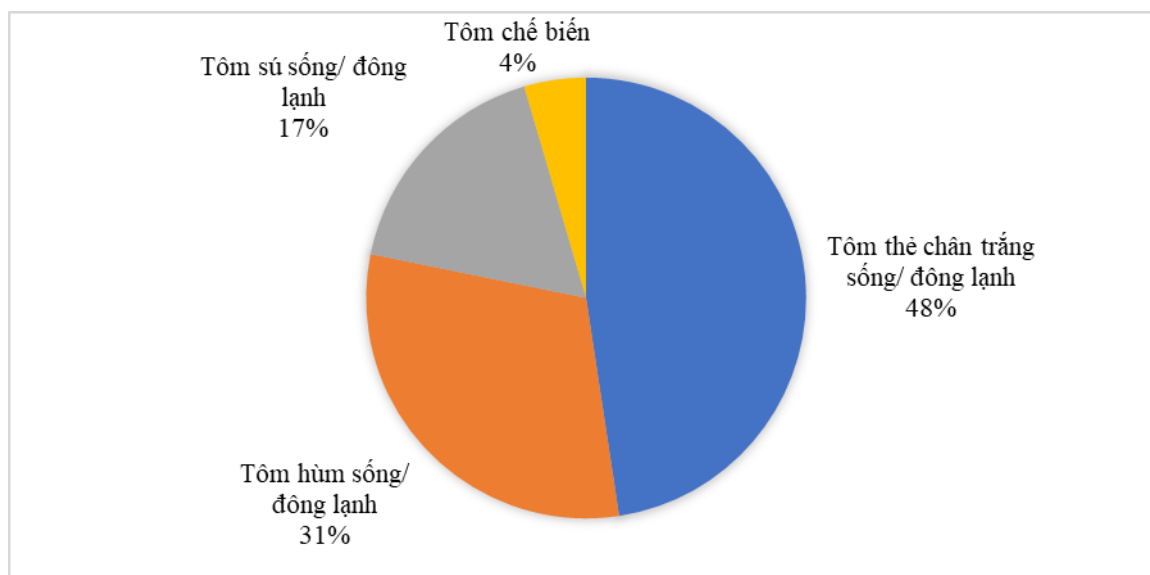
Hình 22. Cơ cấu xuất khẩu cá tra sang thị trường Trung Quốc tháng 12/2022

Nguồn: Tính toán từ số liệu Hải quan

Tháng 12/2022, giá trị xuất khẩu tôm sang thị trường đạt 39,2 triệu USD, tăng 69,6% so với cùng kỳ năm trước, và giảm 35,4% so với tháng trước. Trong đó, giá trị xuất khẩu tôm thẻ chân trắng đạt 18,5 triệu USD, chiếm 41,7% và tăng 211,4% so

với năm trước; tôm hùm đạt 11,9 triệu USD, chiếm 30,3%, tăng 41,1%; tôm sú sống/đông lạnh đạt 6,7 triệu USD, chiếm 17,1%, giảm 3,93%; tôm chế biến đạt 1,8 triệu USD, chiếm 4,5% và tăng 25,3%.

Hình 23. Cơ cấu xuất khẩu tôm sang thị trường Trung Quốc tháng 12/2022



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Một số loại thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường này tháng 12/2022 như sau: Mực và bạch tuộc đạt 8,3 triệu USD, chiếm 7,9% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc, tăng 30% so với cùng kỳ năm trước; Cua – ghẹ đạt 1,5 triệu USD, chiếm 1,4%, giảm 71,5%; thủy sản khác đạt 21,4 triệu USD, chiếm 20,6%, tăng 8,2%.

Về giá bình quân xuất khẩu một số mặt hàng thủy sản sang thị trường này tháng 12/2022 như sau: cá da trơn đạt 2 USD/kg, giảm 13,5% so với cùng kỳ năm trước và 0,2% so với tháng 11/2022. Tôm đạt 11 USD/kg, tăng 3,6 % so với cùng kỳ năm 2021 và giảm 30,1% so với tháng trước. Cụ thể:

Bảng 1. Giá xuất khẩu trung bình một số sản phẩm thủy sản tháng 12/2022

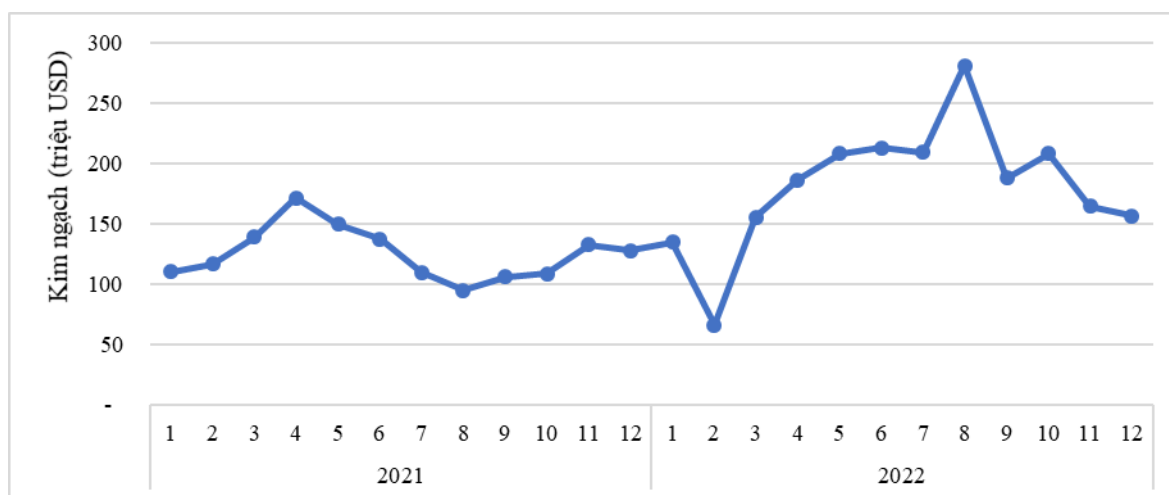
TT	Sản phẩm	Giá (USD)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	2,0	-13,5%	-0,2%
2	Cua, ghẹ	2,2	3,9%	0,0%
3	Mực và bạch tuộc	9,2	4,4%	-0,6%
4	Tôm	4,0	38,7%	43,9%

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

9. GỖ VÀ CÁC SẢN PHẨM GỖ

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 12/2022, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Trung Quốc ước đạt 156,5 triệu USD, giảm 4,8% so với tháng trước nhưng tăng 22,8% so với cùng kỳ năm 2021.

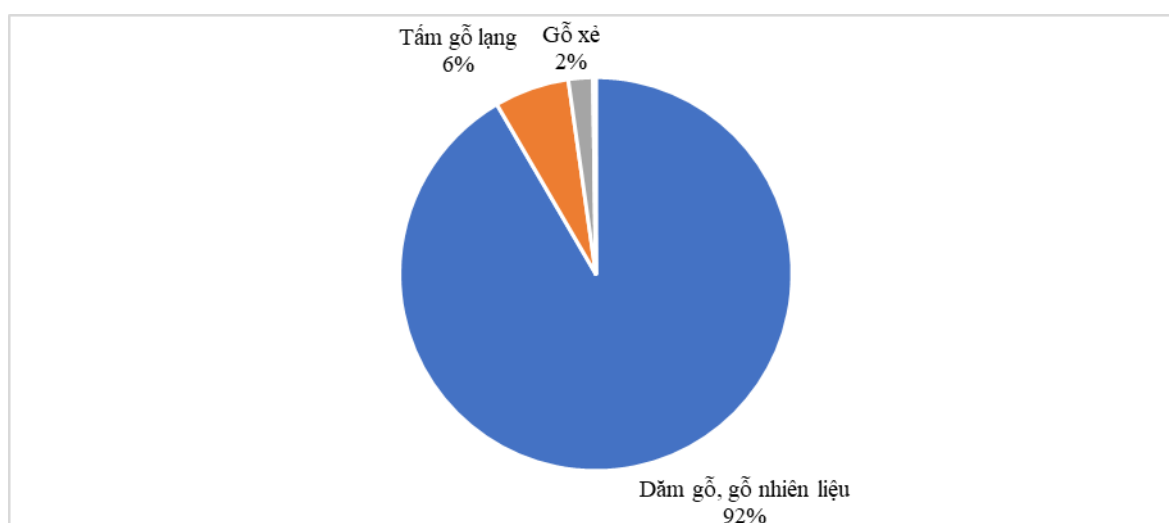
Hình 24: Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 12/2022, dăm gỗ, gỗ nhiên liệu là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Trung Quốc đạt 138,8 triệu USD, chiếm 91,6% tổng giá trị xuất khẩu. Thứ hai là tấm gỗ lạng với kim ngạch 9,3 triệu USD, chiếm 6,2% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là gỗ xẻ và gỗ thô, chiếm lần lượt 2,0% và 0,1% tổng giá trị xuất khẩu sang Trung Quốc.

Hình 25: Chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44) xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc theo kim ngạch tháng 12/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Gạo

Theo USDA, nhà sản xuất số 1 toàn cầu - Trung Quốc - dự kiến sẽ sản xuất 145,9 triệu tấn gạo, giảm hơn 3,0 triệu tấn. Đây là một cơ hội cho các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam xuất khẩu sang thị trường này.

2. Rau quả

Theo Tổng thư ký Hiệp hội Rau quả Việt Nam, năm 2023 ngành xuất khẩu rau quả của Việt Nam có nhiều cơ hội bứt phá, nhất là tại thị trường Trung Quốc. Bên cạnh đó, những khó khăn về logistics được tháo gỡ, cước vận chuyển được dự báo có chiều hướng giảm v.v, sẽ tác động tích cực đến xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam.

Theo đại diện Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản (Bộ Nông nghiệp và PTNT), Việt Nam hiện nay xuất khẩu chủ yếu vẫn ở dạng trái cây tươi, khó vận chuyển xa do không thể bảo quản được lâu. Do đó, các doanh nghiệp ngành rau quả cần tập trung vào phân khúc sản phẩm chế biến, bởi đây là xu hướng của thị trường trong thời gian tới. Hiện nay, việc xuất khẩu phải gắn với vùng trồng, gắn với cơ sở đóng gói; mỗi vùng trồng đều gắn với sản lượng và diện tích, nếu làm không đúng hoặc mượn danh mã vùng trồng, mã cơ sở đóng gói sẽ ảnh hưởng rất nhiều đến xuất khẩu.

3. Gỗ và sản phẩm gỗ

Trung Quốc mở cửa trở lại đang là một trong những đòn bẩy hỗ trợ xuất khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ trong năm 2023 và Trung Quốc tiếp tục là thị trường rất tiềm năng cho mặt hàng dăm gỗ, viên nén trong năm nay cũng như năm tới.

4. Cao su

Theo các chuyên gia nhận định, năm 2023, thị trường cao su vẫn còn chịu áp lực trong bối cảnh kinh tế thế giới nói chung không mấy tích cực. Tuy nhiên, các yếu tố cơ bản thuận lợi như Trung Quốc dỡ bỏ hầu hết các biện pháp phòng ngừa Covid-19 và mở cửa biên giới sẽ hỗ trợ cho xuất khẩu cao su sang thị trường này. Tuy nhiên, ngành cao su vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức như: giá bán cao su thấp trong khi giá nguyên liệu đầu vào cao; các rào cản kỹ thuật và các chứng nhận sản xuất cao su bền vững theo chuỗi hành trình sản phẩm của các nước tiêu thụ cao su.

5. Hạt điều

Theo nhận định của các chuyên gia, tình hình xuất khẩu hạt điều của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc trong thời gian tới sẽ tăng do việc Trung Quốc bỏ các

quy định kiểm soát ngặt nghèo đối với hàng nhập khẩu và người dân Trung Quốc sẽ đi du lịch nhiều hơn sau hơn 2 năm bị “kìm nén”, dẫn đến nhu cầu hạt điều phục vụ khách du lịch tăng cao.

6. Sản và sản phẩm từ sản

Theo Hiệp hội Sản Việt Nam, thị trường Trung Quốc có nhu cầu mua hàng tăng lên do chuẩn bị kế hoạch sản xuất sau khi Chính phủ nước này mở cửa sau dịch Covid-19. Nhiều cửa khẩu đường bộ được phía Trung Quốc mở cửa trở lại, thuận lợi hơn cho các nhà máy phía Bắc Việt Nam giao hàng theo hình thức (DAF). Trong đó, Trung Quốc vẫn là thị trường tiêu thụ tinh bột sắn lớn nhất của Việt Nam, chiếm gần 86,2%. Trung Quốc cũng là thị trường tiêu thụ sắn, mì thô, thái lát, đông lạnh lớn của Việt Nam, chiếm gần 13,8%.

Dự báo năm 2023, Trung Quốc sẽ có nhu cầu nhập khẩu lớn hơn nữa và sẽ nhập khẩu nhiều hơn sắn và các sản phẩm từ sắn của Việt Nam do điều kiện địa lý thuận lợi. Tuy nhiên, rủi ro cho người nông dân ở chỗ xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn sang thị trường Trung Quốc là hay thay đổi về chính sách xuất nhập khẩu gây ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động xuất khẩu nông sản của Việt Nam, trong đó có ngành sắn. Ngoài ra, tinh bột sắn của Việt Nam bị cạnh tranh bởi sắn của Thái Lan và Lào.

7. Thịt và các sản phẩm từ thịt

Cục xuất nhập khẩu nhận định trong năm 2023, nhập khẩu thịt lợn của Trung Quốc sẽ tăng trở lại khi các biện pháp kiểm soát COVID được nới lỏng làm gia tăng nhu cầu. Ước tính tổng nhập khẩu thịt lợn của Trung Quốc bao gồm cả nội tạng khoảng 2 triệu tấn/năm. Tuy nhiên, mức tiêu thụ thịt lợn có thể không phục hồi được như trước khi dịch tả lợn châu Phi bùng phát, do nhiều người vẫn thận trọng với các cuộc tụ họp đông người.

8. Thủy sản

Năm 2023, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang Trung Quốc dự kiến sẽ tăng chậm lại, đặc biệt trong nửa đầu năm. Mặc dù hầu hết người dân Trung Quốc đã thích ứng với Covid-19, nhưng nhu cầu dự kiến vẫn thấp do dịch bệnh kéo dài 3 năm khiến thu nhập của hầu hết các hộ gia đình giảm. Ngày 8/1/2023, Cơ quan Quốc gia về Quy định thị trường của Trung Quốc đã chính thức ngừng xét nghiệm và khử trùng Covid-19 đối với thực phẩm đông lạnh và ướp lạnh. Cơ quan Hải quan Trung Quốc cũng đã ngừng xét nghiệm Covid-19 đối với các lô hàng đông lạnh và ướp lạnh đến các cảng của nước này. Nhờ đó, chi phí nhập khẩu thủy sản đông lạnh và ướp lạnh vào Trung Quốc sẽ giảm so với trước đây. Trong nửa cuối năm 2023, việc mở cửa nền kinh tế

Trung Quốc nhiều khả năng sẽ phát huy tác dụng, kinh tế phục hồi khả quan hơn, thu nhập của người dân tăng sẽ hỗ trợ tiêu dùng thủy sản. Do đó, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc nửa cuối năm 2023 sẽ khả quan hơn so với nửa đầu năm.

PHỤ LỤC

Bảng 1: Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Trung Quốc tháng 12/2022

Sản phẩm	Tháng 12.2022 (USD)	Tăng/giảm so T11/2022	Tăng/giảm so T12/2021	Tỷ trọng (%)
Tổng giá trị XK	976.425.455	-0,9%	0,1%	100,0%
Cà phê	18.330.278	13,8%	24,7%	1,9%
Cao su	296.479.102	7,3%	-8,1%	30,4%
Chè	1.705.644	-33,6%	275,6%	0,2%
Gạo	23.825.922	-7,7%	-15,0%	2,4%
Gỗ & SP gỗ	156.536.925	-4,8%	22,8%	16,0%
Rau quả	159.433.249	-3,7%	3,9%	16,3%
Thủy sản	104.046.122	-18,2%	-10,8%	10,7%
Hạt điều	31.971.463	-40,1%	-38,3%	3,3%
Mây tre đan	436.227	-28,1%	-60,3%	0,0%
Sắn & SP sắn	144.395.979	26,6%	34,9%	14,8%
TĂGS&NL	37.651.997	-3,0%	-22,8%	3,9%
Thịt và SP thịt	1.612.547	#DIV/0!	-48,7%	0,2%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 2: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang Trung Quốc tháng 12/2022

Sản phẩm	T12/2021 (USD)	T12/2022 (USD)	So sánh T12.2022/T12.2021
Tổng giá trị XK	153.515.574	159.433.249	3,9%
Sầu riêng	841.792	41.332.191	4810,0%
Chuối	12.262.823	28.574.702	133,0%
Thanh long	88.738.525	27.610.139	-68,9%
Mít	23.528.874	18.237.875	-22,5%
Dưa hấu	1.772.258	7.641.074	331,1%
Xoài	6.506.821	6.598.591	1,4%
Dừa	5.186.796	5.789.161	11,6%
Chanh leo	1.739.694	2.117.188	21,7%
Nhãn	897.898	1.023.207	14,0%
Chôm chôm	2.828	483.584	17001,5%
Khoai lang	55.740	23.184	-58,4%
Măng cụt	12.337	14.529	17,8%
Vải	3.290	10.492	219,0%
Khác	11.965.900	19.977.330	67,0%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang Trung Quốc tháng 12/2022

Mặt hàng	T12/2021 (USD)	T12/2022 (USD)	So sánh 2022/2021
Tổng giá trị XK	27.931.646	23.826.114	-14,7%
Gạo Japonica	1.786.037	-	-100,0%
Gạo nếp	20.539.378	8.236.984	-59,9%
Gạo thơm	4.200.360	10.049.568	139,3%
Gạo trắng	1.405.871	5.539.562	294,0%

*Nguồn: Tổng cục Hải quan***Bảng 4: Giá trị xuất khẩu một số loại cà phê chính sang Trung Quốc tháng 12/2022**

Mặt hàng	T12/2021 (USD)	T12/2022 (USD)	So sánh 2022/2021
Chưa rang chưa khử cafein	3.087.001,92	3.401.031,10	10,2%
Cà phê tan	3.356.162,51	3.823.201,66	13,9%
Khác	8.154.420,33	10.942.643,41	34,2%
Đã rang chưa khử cafein	289.932,00	162.882,47	-43,8%
Đã rang đã khử cafein	289.932,00		

*Nguồn: Tổng cục Hải quan***Bảng 5: Giá trị xuất khẩu sản và sản phẩm từ sản sang Trung Quốc tháng 12/2022**

Sản phẩm	T12.2021 (USD)	T12.2022 (USD)	So sánh T12.2022/T12.2021
Tổng giá trị XK	107.017.950	144.395.979	34,9%
Tinh bột sắn	86.867.461	124.489.849	43,3%
Sắn, mì thô, thái lát, đông lạnh	20.150.489	19.906.130	-1,2%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 6: Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường Trung Quốc năm tháng 12/2022

Loại sản phẩm	Tháng 12/2021 (USD)	Tháng 12/2022 (USD)	So sánh 2022/21 (%)
Tổng	116.590.086,0	104.046.122,00	-10,8%
Cá da trơn	62.216.990,7	33.672.887,00	-45,9%
Cua, ghẹ	5.219.932,6	1.489.755,50	-71,5%
Mực và bạch tuộc	6.352.853,1	8.256.323,30	30,0%
Tôm	23.118.313,1	39.218.545,60	69,6%
Thủy sản khác	19.681.996,6	21.408.610,60	-8,1%
Cá da trơn	62.216.990,7	33.672.887,00	-45,9%
Cua, ghẹ	5.219.932,6	1.489.755,50	-71,5%

Nguồn: Tổng cục Hải quan